

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 814 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2026 (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo về Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng năm 2025 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 175/TTr-SKHCN ngày 04/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, bắt đầu thực hiện năm 2026 (đợt 1) gồm: 01 nhiệm vụ.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh, hướng dẫn tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ nêu tại Điều 1 hoàn tất thủ tục đề ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực XV; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Lưu: VT, KGVX.PTT670



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền



Phụ lục

Chi tiết đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh “Khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi”, bắt đầu thực hiện năm 2026 (đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 11/9/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Số TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm	Mục tiêu, nội dung và sản phẩm chủ yếu	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ (triệu đồng)	Kinh phí SNKHCN tỉnh (triệu đồng)			Phương thức khoán chi
						Tổng	Kinh phí khoán	Kinh phí không giao khoán	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đề tài: Khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi	24 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng)	- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Phạm Văn Đồng. - Cá nhân chủ nhiệm: TS. Nguyễn Minh Cần.	* Mục tiêu: Mục tiêu chung: - Xây dựng được cơ sở dữ liệu mở về thực trạng, tiềm lực nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học (CNSH) tỉnh Quảng Ngãi. - Đề xuất được giải pháp phát triển, ứng dụng CNSH tỉnh Quảng Ngãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi. Mục tiêu cụ thể: - Điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu và phân tích được thực trạng, tiềm lực CNSH về nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, cơ chế, chính sách và thực trạng ứng dụng CNSH trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến, môi trường và y dược tại Quảng Ngãi. - Xác định được nhu cầu ứng dụng CNSH trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến, môi trường và y dược tại tỉnh Quảng Ngãi. - Xác định được các khó khăn, khoảng trống,	- Tổng kinh phí thực hiện: 2.546,598 <i>(Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng)</i> Trong đó: - Nguồn ngân sách nhà nước: 2.546,598. <i>(Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bốn</i>	2.546,598 <i>(Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng)</i>	2.315,637 <i>(Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm mười lăm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng)</i>	230,961 <i>(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)</i>	Khoán chi từng phần

			điểm nghẽn trong ứng dụng, phát triển CNSH trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến, môi trường và y dược tại Quảng Ngãi và đề xuất nội dung định hướng phát triển, ứng dụng CNSH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi. - Đề xuất giải pháp phát triển, ứng dụng CNSH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi. - Xây dựng được cơ sở dữ liệu mở về CNSH tỉnh Quảng Ngãi phục vụ quản lý nhà nước và kết nối cung - cầu ứng dụng CNSH tỉnh Quảng Ngãi với các đơn vị có liên quan. * Nội dung: - Nội dung 1: Tổng quan tài liệu, cơ sở lý luận và khung tiêu chí đánh giá thực trạng, tiềm lực và nhu cầu ứng dụng CNSH tại Quảng Ngãi. - Nội dung 2: Điều tra - khảo sát, đánh giá thực trạng, tiềm lực và nhu cầu ứng dụng CNSH tỉnh Quảng Ngãi. - Nội dung 3: Nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế về ứng dụng và phát triển CNSH. - Nội dung 4: Phân tích khoảng trống, xây dựng phương án kết nối, đáp ứng cung-cầu CNSH; đề xuất định hướng, giải pháp phát triển, ứng dụng CNSH tỉnh Quảng Ngãi. - Nội dung 5: Xây dựng cơ sở dữ liệu mở về thực trạng, tiềm lực và nhu cầu ứng dụng CNSH tỉnh Quảng Ngãi. * Sản phẩm chính:	mười triệu năm trăm nghìn đồng).						
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--	--

				- Báo cáo: Cơ sở khoa học về CNSH và ứng dụng của CNSH. - Báo cáo: Khung tiêu chí và thang đo đánh giá thực trạng, tiềm lực và nhu cầu ứng dụng CNSH ở Quảng Ngãi. - Báo cáo phân tích về thực trạng, tiềm lực CNSH tỉnh Quảng Ngãi (nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, cơ chế, chính sách). - Báo cáo kinh nghiệm trong nước về ứng dụng, phát triển CNSH; lựa chọn các mô hình/trường hợp có giá trị tham khảo cho Quảng Ngãi. - Báo cáo xác định nhu cầu ứng dụng CNSH một số lĩnh vực của tỉnh Quảng Ngãi như: nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản), môi trường, công nghiệp chế biến và y dược. - Báo cáo đề xuất định hướng ứng dụng, phát triển công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi. - Báo cáo đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng CNSH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi. - Báo cáo đề xuất một số nhiệm vụ KH&CN nhằm nghiên cứu, ứng dụng, phát triển CNSH tỉnh Quảng Ngãi. - Bộ cơ sở dữ liệu mở về thực trạng, tiềm lực CNSH tỉnh Quảng Ngãi (nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, cơ chế, chính sách). - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. - Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài.					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--